TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2018/HNGĐ-ST
Ngày 28-11-2018
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Hồ Quốc Trị;

+ Ông Nguyễn Quốc Thống.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 238/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Kim N, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh Trần Hồng Ng, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

(chị N có đơn xin vắng mặt, anh Ng vắng mặt lần 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 10 năm 2018, bản tự khai ghi ngày 02/11/2018 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Kim N trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Chị N và anh Ng có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2014, hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 09 tháng 02 năm 2015.

Lý do ly hôn: Quá trình chung sống, chị N không nhận được sự quan tâm, chăm sóc và chia sẻ từ phía anh Ng, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến không hạnh phúc. Chị N và anh Ng sống ly thân từ tháng 01 năm 2018 cho đến nay. Khi ly thân, chị Ng sống với cha mẹ ruột tại ấp C, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau còn anh Ng sống với gia đình tại ấp B, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian ly thân, chị N và anh Ng không khắc phục được mâu thuẫn. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị N cương quyết yêu cầu ly hôn với anh Trần Hồng Ng.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Hồng Ng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà anh Ng không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc chị N yêu cầu ly hôn, về tài sản chung và công nợ; Đồng thời, Tòa án đã tống đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh Ng vẫn không tham gia.

Tại phiên tòa, chị N và anh Ng vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng

Chị Lê Kim N yêu cầu ly hôn với anh Trần Hồng Ng là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; anh Ng cư trú tại ấp B, xã T, huyện N nên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Đối với anh Trần Hồng Ng đã được Tòa án thông báo hợp lệ các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên xét xử sơ thẩm nhưng đều vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Trần Hồng Ng.

Chị Lê Kim N có đơn xin được vắng mặt trong phiên xét xử vì lý do mới xin được chỗ làm và đang học nghề ở huyện Đ, yêu cầu này của chị N là chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về nội dung vụ án

- Về hôn nhân: Chị N và anh Ng có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2014, hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, giấy chứng nhận kết hôn số 09/2015, quyển số: 01/2015 ngày 09 tháng 02 năm 2015. Vì vậy quan hệ

hôn nhân của chị Lê Kim N và anh Trần Hồng Ng được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống giữa chị N và anh Ng có những bất hòa không thể hàn gắn được, chị N không nhận được sự quan tâm, chăm sóc và chia sẻ từ phía anh Ng. Trong thời gian ly thân giữa chị N và anh Ng cũng không khắc phục được mâu thuẫn. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, anh Ng không có thiện chí hàn gắn hôn nhân với chị N, bởi lẽ Tòa án có tổ chức các phiên hòa giải nhưng anh Ng không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải hàn gắn hôn nhân, chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Ng đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Kim N đối với anh Trần Hồng Ng theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự*"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch chị Lê Kim N phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị N được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Kim N ly hôn anh Trần Hồng Ng.

2. Về nuôi con chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về chia tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Kim N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, chị N được khấu trừ số tiền tạm ứng

án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0016142 ngày 03 tháng 10 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*Đã ký)*

Phan Diệu Hiền